

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 142/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2026 giữa:

- Người khởi kiện: Phạm Như Q, sinh ngày 12/7/1994; Trú tại: Tổ I, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

- Người bị kiện: Nguyễn Đức B, sinh ngày 27/11/1994; Trú tại: Tổ I, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Như Q và anh Nguyễn Đức B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Như Q và anh Nguyễn Đức B thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Giao con chung là Nguyễn Thùy T, sinh ngày 25/6/2020 cho chị Phạm Như Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Nguyễn Thùy T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Đức B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*** Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh Nguyễn Đức B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Như Q, cụ thể:

Anh Nguyễn Đức B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với con chung Nguyễn Thùy T, mức 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Phương thức cấp dưỡng: Định kỳ hàng tháng.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS hướng dẫn về việc tính lãi suất và Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*** Về tài sản chung:** Không có.

*** Về vay nợ chung:** Không có.

*** Về án phí:** Chị Phạm Như Q tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Như Q đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0000816 ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Phạm Như Q được hoàn trả lại số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Đức B phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và Điều 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKSND khu vực 6- TN (02 bản);
- THADS tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- UBND phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên (Nơi ĐKKH) (01 bản);
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Bảo Thanh Toàn